

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 01 – 2024
V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lý
- Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành T1**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Bà H có mặt, ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim H: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà H và ông T1 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 21/01/2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn

Tấn K, sinh ngày 07/9/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà H và ông T1 đã sống ly thân từ tháng 8/2023. Nay, bà H nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà H không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Do con chung Nguyễn Tấn K, sinh ngày 07/9/2000 đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Thành T1: Ông T1 đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thành T1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T vào năm 2002 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông T1 cư trú trên địa bàn thuộc huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Thành T1: Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thành T1:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023. Bà H xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông T1 là không thể hàn

gắn được, hiện tại bà H không còn quan tâm đến cuộc sống của ông T1, bà H không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà H. Quá trình Tòa án giải quyết, ông T1 cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà H về tình trạng mâu thuẫn giữa bà H với ông T1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T1 không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T1.

[4] Về con chung: Bà H xác định bà H và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 07/9/2000. Do con chung đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T1 không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Nguyễn Thành T1.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

2. Về con chung: Con chung của bà H và ông T1 đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004472 ngày 18 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

Ông Nguyễn Thành T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật